TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **79**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M**; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Thái Nguyên;

- Bị đơn: Anh **Vũ Mạnh T**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2025

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/12/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Vũ Mạnh T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Vũ Mạnh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị M có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Thị Kim N, sinh ngày 08/6/2013 cho đến khi con chung Vũ Thị Kim N đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được

cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Thị Kim N với số tiền 2.000.000/tháng (Hai triệu đồng một tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Chị Phạm Thị M tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002832 ngày 12/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01);
- VKSND khu vực 6 – Thái Nguyên (03);
- THADS tỉnh Thái Nguyên; (01)
- UBND phường Bắc Kạn (01);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Lường Thị Thu Hòa